

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13-7-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vinh

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; cư trú tại: Đội 10, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; ĐKNKTT: Thôn 9, xã VĐ, huyện ĐH, tỉnh PT; nơi tạm trú: Đội 10, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng; hiện đang cư trú tại Đài Loan;

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VĐ, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ vào ngày 06/8/2015. Quá trình chung sống anh chị hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016, anh T đi lao động

tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì, anh T vẫn thỉnh thoảng trở về Việt Nam nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, mâu thuẫn về tình cảm. Vợ chồng anh chị đã nói chuyện và nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ gia đình không còn nên đã thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo Nam, sinh ngày 20/9/2015. Hiện nay đang ở với chị H nên chị đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Bảo N chị nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Theo Công văn số 2646QLXNC-P5 ngày 02/02/2021 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 9, xã VĐ, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ đã xuất cảnh 09 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 16/10/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn T nên ông Nguyễn Trọng K là bố đẻ của anh T đã biết được việc xin ly hôn của chị H. Tòa án đã có 02 văn bản gửi ông Nguyễn Trọng K để yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh T, tuy nhiên, theo đơn đề nghị của ông K thể hiện: Anh T và chị H kết hôn từ năm 2015. Sau khi kết hôn, anh T ở lại Hải Phòng để chăm sóc chị H khi chị H có chữa và sinh con, anh T thì thỉnh thoảng có về nhà thăm bố mẹ. Đến năm 2016, anh T đi lao động tại Đài Loan, anh T vẫn liên lạc về với gia đình nhưng không cho gia đình biết địa chỉ của anh ở Đài Loan. Gia đình đã thông báo cho anh T về yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh T có ý kiến trao đổi lại với gia đình như sau: Anh T đồng ý với việc xin ly hôn của chị H do vợ chồng sống xa cách nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 2015, hiện nay, cháu N đang ở với mẹ, anh T không có mặt ở Việt Nam để chăm sóc con nên khi ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao con cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Về tài sản chung, anh chị không có tài sản chung.

Do chị Nguyễn Thị H đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T vắng mặt, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2015 tại UBND xã VĐ, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống hạnh phúc đến năm 2016 thì anh T đi lao động ở nước ngoài, từ đó đến nay, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, mâu thuẫn về tình cảm. Nhận thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Bảo Na, sinh ngày 20/9/2015, chị H đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H; cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Nam cho chị H nuôi dưỡng và không giải quyết vấn đề cấp dưỡng do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H, hiện đang cư trú tại thành phố Hải Phòng có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T, hiện đang làm việc tại Đài Loan, không có mặt tại Việt Nam. Anh Nguyễn Văn T, có ĐKNKTT tại thôn 9, xã VĐ, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; tuy nhiên, theo xác minh tại Công an xã Liên Khê và theo trình bày của gia đình chị H và anh T, trước khi đi Đài Loan, anh T cư trú tại xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục Việt Nam và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VĐ, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ vào ngày 06/8/2015, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp

pháp. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ gia đình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc xin ly hôn của chị H là tự nguyện và anh T cũng đồng ý việc ly hôn (thể hiện qua quan điểm của gia đình). Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/9/2015, hiện nay đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại anh T không có mặt tại Việt Nam nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, đề nghị được nuôi con của chị H là đảm bảo quyền lợi cho con và phù hợp quy định của pháp luật nên cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H; về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tạm thời không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/9/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H tạm thời không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở, người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019043 ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; chị H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã VĐ, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà